

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Viết Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:

Bà Dương T Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Trúc L, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: ấp TP, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Phan Quốc B, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TA, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Quốc B tự nguyện kết hôn vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 13/5/2009. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng không còn hạnh phúc do anh B đam mê cờ bạc, không lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau. Chị và anh B đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Do nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Phan Thị Bảo T, sinh ngày 07/02/2011 và Phan Quốc N, sinh ngày 14/6/2020. Hiện tại cả 02 con chung đang sống với anh B. Khi ly hôn, chị L đồng ý giao 02 con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Phan Quốc B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát:*

- *Về thủ tục:* Thẩm phán đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, cấp tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi thông báo thụ lý, hồ sơ đến Viện kiểm sát đúng quy định, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục giải quyết của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo cho các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật dân sự. Riêng bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Trúc L được ly hôn với anh Phan Quốc B.

+ Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thị Bảo T, sinh ngày 07/02/2011 và Phan Quốc A, sinh ngày 14/6/2020 cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị L không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Trúc L và anh Phan Quốc B kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân của chị L và anh B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B biết việc chị L yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa chứng tỏ anh B không có thiện chí hàn gắn cùng chị L. Mặc khác, thời gian ly thân đã lâu nhưng chị L và anh B vẫn không thể hàn gắn. Do đó, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh B có 02 con chung tên Phan Thị Bảo T, sinh ngày 07/02/2011 và Phan Quốc N, sinh ngày 14/6/2020. Hiện 02 con chung đang sống cùng anh B. Xét yêu cầu để anh B được trực tiếp nuôi cháu T và cháu Quốc N của chị L là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của 02 cháu. Do đó, HĐXX chấp nhận giao 02 con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng và chị L không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Trúc L phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Trúc L ly hôn với anh Phan Quốc B.

2. Về con chung: Anh Phan Quốc B có quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Thị B T, sinh ngày 07/02/2011 và Phan Quốc N, sinh ngày 14/6/2020. Chị Huỳnh Thị Trúc L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Trúc L phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003828 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã *T* (B, Bến Tre);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Thị Huyền Nhung